

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GD
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy
2. Bà Trần Thị Thanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Mỹ Nh, sinh năm 1993; địa chỉ: Ô 1/34, khu phố TH, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lâm Nguyễn Ngọc Hoài B, sinh năm 1985; địa chỉ: Ô 2/76C, khu phố TB C, thị trấn GD, huyện GD (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nh trình bày: chị và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào ngày 01-01-2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD ngày 17-01- 2014; sau khi cưới chị về sống chung bên chồng đến ngày 24-9-2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh B uống rượu về đánh và dùng dao đâm dọa nên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn, con chung cháu Lâm Gia Kh, sinh ngày 04-9-2014 yêu cầu anh B giao cho chị tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung

không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh B trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị Nh về ngày tháng năm chung sống, con chung là đúng sự thật; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là sai. Nay chị Nh yêu cầu ly hôn anh đồng ý; con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

+ Về nội dung vụ án: chị Nh và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD; vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối tháng 9 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nên chị Nh bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống, vợ chồng không ai quan tâm đến ai; tại phiên tòa chị Nh và anh B yêu cầu ly hôn là tự nguyện; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh B.

Về con chung: cháu Lâm Gia Kh, sinh ngày 04-9-2014, sống với anh B từ khi anh, chị ly thân đến nay; cháu được anh B và gia đình quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; anh B có việc làm và thu nhập ổn định; đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh B tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu giải quyết; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: chị Nh và anh B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 01 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp; vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay; từ khi ly thân cho đến nay vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Như vậy có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị Nh và anh B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; tại phiên tòa chị Nh và anh B yêu cầu ly hôn là tự nguyện; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh B xét thấy có căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: cháu Lâm Gia Kh, sinh ngày 04-9-2014, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh và anh B đều có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy từ khi chị Nh và anh B ly thân cho đến nay, cháu Kh sống chung với anh B, được anh

B và gia đình thương yêu, quan tâm nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học và phát triển bình thường về mọi mặt; anh B có việc làm và thu nhập đủ khả năng và điều kiện nuôi con; để giữ ổn định nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giao cháu Kh cho anh B tiếp tục nuôi là có căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chị Nh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, anh B không có yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Nh và anh B không có yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Phan Mỹ Nh tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Mỹ Nh và anh Lâm Nguyễn Ngọc Hoài B.

2. Về con chung: cháu Lâm Gia Kh, sinh ngày 04-9-2014 giao cho anh Lâm Nguyễn Ngọc Hoài B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu giải quyết; chị Phan Mỹ Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Nh và anh B không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: chị Phan Mỹ Nh tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Nh đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012580 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD; hoàn trả cho chị Nh 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện GD;
- CC THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng